

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 43/TTr-STC ngày 28 tháng 3 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 70/BC-STP ngày 09 tháng 3 năm 2026.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (*trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP*) theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP;

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP;

c) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm h khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương; đối với cơ quan của Trung ương thì phải là cơ quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (*sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản*).

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15.

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa

phương (*trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP*) theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm d khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP

a) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Thi hành án dân sự cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (*trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này*).

3. Đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm i khoản 11 và điểm h khoản 12 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP: Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch

Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP; các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KTTH_{VTĐ}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm